ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

VILAS 1007

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-036621MT **23/06/2021**

I. THÔNG TIN MẪU

1. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.
2. Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Tên mẫu: Mẫu nước.
   Thử nghiệm định kỳ của mạng lưới cấp nước (Tần suất A).
4. Tình trạng mẫu: Mẫu được đựng trong bình 2L, không mùi, không vị lạ.
5. Số lượng mẫu: 10
6. Ngày nhận mẫu: 16/06/2021
7. Thời gian thử nghiệm:* 16/06/2021 đến 21/06/2021
8. Loại mẫu: : Nước ăn uống, sinh hoạt.
9. Kết quả TN: : Xem trang sau.
10. Ghi chú: Danh sách mẫu xem trang cuối.

* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Diệp Thị Hoàng Hà

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Bùi Thanh Giang

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
4. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k=2, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
   - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2 Lê Văn Chí, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức.
   - Email:sawaco.qlcln@gmail.com
   - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

VILAS 1007

SWC-036621MT (1-2)

23/06/2021

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-036621MT/2382	SWC-036621MT/2383
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	2	2
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.5	7.6
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C-2017	1.45 mg/L	≤ 300	32.00	32.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	≤ 250	10.25	10.50
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	KPH	<0.05
9	Nitrat (NO3-N)	mgN_NO3/L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.7	0.7
10	Nitrit (NO2-N)	mgN_NO2/L	Hach method 8507	0.009 mg/L	≤ 3	0.005	0.005
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	<10
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.5
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.83	0.86

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-036621MT (3-4)

VILAS 1007

23/06/2021

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-036621MT/2384	SWC-036621MT/2385
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	2	2
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.6	7.6
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C-2017	1.45 mg/L	≤ 300	33.00	32.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	≤ 250	10.75	10.25
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	<0.05	<0.05
9	Nitrat (NO3-N)	mgN_NO3/L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.7	0.7
10	Nitrit (NO2-N)	mgN_NO2/L	Hach method 8507	0.009 mg/L	≤ 3	0.005	0.006
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	<10
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.4
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.86	0.84

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-036621MT (5-6)

VILAS 1007

23/06/2021

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-036621MT/2386	SWC-036621MT/2387
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	2	3
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.6	7.6
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C-2017	1.45 mg/L	≤ 300	32.00	32.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	≤ 250	10.00	10.00
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	KPH	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	<0.05	KPH
9	Nitrat (NO3-N)	mgN_NO3/L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.7	0.7
10	Nitrit (NO2-N)	mgN_NO2/L	Hach method 8507	0.009 mg/L	≤ 3	0.008	0.006
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	<10
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.4
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.81	0.82

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-036621MT (7-8)

VILAS 1007

23/06/2021

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-036621MT/2388	SWC-036621MT/2389
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	3	3
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.6	7.6
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C-2017	1.45 mg/L	≤ 300	32.00	32.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	≤ 250	10.25	10.25
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	<0.05	<0.05
9	Nitrat (NO3-N)	mgN_NO3/L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.7	0.8
10	Nitrit (NO2-N)	mgN_NO2/L	Hach method 8507	0.009 mg/L	≤ 3	0.006	0.005
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	<10
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.4
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.8	0.73

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

VILAS 1007

SWC-036621MT (9-10)

23/06/2021

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-036621MT/2390	SWC-036621MT/2391
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	3	2
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.6	7.5
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C-2017	1.45 mg/L	≤ 300	32.00	32.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	≤ 250	10.00	10.25
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	<0.05	<0.05
9	Nitrat (NO3-N)	mgN_NO3/L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.8	0.7
10	Nitrit (NO2-N)	mgN_NO2/L	Hach method 8507	0.009 mg/L	≤ 3	0.004	0.004
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	<10
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.4
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.72	0.71

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

VILAS 1007

SWC-036621MT

23/06/2021

III. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

STT	MSM	Địa chỉ	Ghi chú
1	SWC-036621MT/2382	: 47 đường 16, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức;	
2	SWC-036621MT/2383	: 54/3 Đường 36, P.Linh Đông, TĐ;	
3	SWC-036621MT/2384	: 69 đường số 8, P. Trường Thọ, Q. TĐ;	
4	SWC-036621MT/2385	: Xí nghiệp Cơ điện TĐ, XLHN, P.Trường Thọ, Q.TĐ.	
5	SWC-036621MT/2386	: UBND P. An Phú, P. An Phú, Q.2;	
6	SWC-036621MT/2387	: XN thức ăn An Phú (164 Nguyễn Thị Định), P. An Phú, Q.2.	- KPH : không phát hiện; (*): Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025;
7	SWC-036621MT/2388	: TYT P. Bình Trưng Tây (1 Nguyễn Duy Trinh), P. Bình Trưng Tây, Q.2;	
8	SWC-036621MT/2389	: UBND P. Phú Hữu (891 Nguyễn Duy Trinh), P. Phú Hữu, Q.9.	
9	SWC-036621MT/2390	: TTYT P. Long Trường (1341 Nguyễn Duy Trinh), P. Long Trường, Q.9;	
10	SWC-036621MT/2391	: Khu công nghệ cao (D1 KCNC), P. Tân Phú, Q.9.	